

THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Hoàng Thanh Hương, Phạm Thị Hạnh, Bùi Diệu Hương,
Lê Thu Hương, Nguyễn Phương Hiền, Nguyễn Thu Phương***

Bài viết tập trung nghiên cứu thực trạng định hướng nghề nghiệp (ĐHNN) của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (NNTQ) tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ số liệu khảo sát 509 sinh viên thuộc 07 trường đại học có ngành NNTQ, bài viết phân ánh thực trạng ĐHNN hiện nay của sinh viên, đồng thời phân tích xu hướng lựa chọn ngành nghề, nơi làm việc, loại hình cơ quan doanh nghiệp và mức lương khởi điểm kỳ vọng cũng như những khó khăn và kế hoạch thích ứng với nghề nghiệp tương lai của sinh viên. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị nhằm góp phần khắc phục khó khăn của sinh viên ngành NNTQ trong quá trình ĐHNN.

Từ khóa: sinh viên đại học, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, định hướng nghề nghiệp.

This paper focused on Chinese-majored students' career orientation at some universities in Hanoi. The data were collected from 509 Chinese-majored undergraduate students from 07 universities by means of a questionnaire to describe their career orientation, and analyzes their tendency in choosing jobs, workplaces, types of enterprises and expected initial salary as well as the difficulties and their plans to adapt to future careers. This paper then put forward some recommendations for assisting Chinese-majored students in overcoming the difficulties in career orientation.

Keywords: undergraduate students, Chinese language major, career orientation.

1. Đặt vấn đề

Nghề nghiệp vốn là một phần quan trọng trong đời sống xã hội. Giáo sư người Mỹ Frank Parsons được coi là người đầu tiên đưa ra khái niệm về “nghề nghiệp” vào năm 1908 (Đăng Thu Thủy, 2022, tr.4). Thuật ngữ này ban đầu chỉ đề cập đến sự phát triển kiến thức, kỹ năng của cá nhân trong công việc. Sau này nhiều học giả quan tâm và làm phong phú thêm định nghĩa về khái niệm “nghề nghiệp”. Theo

Từ điển tiếng Việt, nghề là “công việc chuyên làm theo sự phân công của xã hội” (Hoàng Phê, 2003, tr.676). Nhà xã hội học Đức Max Weber (1920) còn xem xét “nghề nghiệp” là khái niệm đi đôi với thiên chức, bổn phận của mỗi người trong cuộc sống. Nghề nghiệp có vai trò quan trọng, đối với mỗi cá nhân, phản ánh địa vị, vai trò, uy tín của cá nhân đó trong cộng đồng. Đối với mỗi cộng đồng xã hội, cơ cấu và sự biến đổi cơ cấu nghề nghiệp phản ánh mức độ

* TS., ** Nhóm sinh viên, Khoa tiếng Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại thương
Email: huonght@ftu.edu.vn

phát triển của cộng đồng xã hội đó trong mỗi giai đoạn lịch sử (Phạm Huy Cường, 2009, tr.5). Như vậy, có thể hiểu “nghề nghiệp” là một hoạt động yêu cầu các kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp, qua đó cá nhân có thể tạo ra các kết quả nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và xã hội.

Về khái niệm “định hướng nghề nghiệp” (ĐHNN), đến nay đã có nhiều nghiên cứu và cách lí giải khác nhau về thuật ngữ này. Từ góc độ xã hội, ĐHNN là hệ thống những biện pháp tâm lý–giáo dục và y học được tổ chức đặc biệt, một cách hệ thống, có mục đích nhằm hình thành ở mỗi cá nhân một xu hướng nghề nghiệp cụ thể có tính đến những nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và toàn xã hội (Trần Thị Dương Liễu, 2014, tr.29). Từ góc độ cá nhân, ĐHNN có thể hiểu là khuynh hướng lựa chọn nghề nghiệp được hình thành dựa trên sự hiểu biết của cá nhân về nghề nghiệp, năng lực, đặc điểm cá nhân và mục tiêu đối với nghề nghiệp (Bùi Hà Phương, 2020, tr.14). Theo tác giả Đặng Thu Thủy, việc ĐHNN cho sinh viên được thể hiện trên 03 phương diện chính: (1) thay đổi nhận thức của sinh viên về các giá trị nghề nghiệp; (2) thái độ của sinh viên đối với nghề nghiệp của mình; và (3) hành động học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh các giá trị nghề nghiệp (Đặng Thu Thủy, 2022, tr.42).

Dựa trên quan điểm của các học giả có thể tổng kết, ĐHNN là sự phản ánh chủ quan và có tính chọn lọc các giá trị nghề nghiệp của cá nhân, là quá trình cá nhân dựa vào hiểu biết về bản thân và xác định các lựa chọn về nghề nghiệp phù hợp với mình và xã hội để từ đó xây dựng các mục tiêu và kế hoạch nghề nghiệp trong tương

lai. Đặc biệt là đối với sinh viên, nhóm người học được coi là trưởng thành, được trang bị kiến thức chuyên môn để bước vào thị trường lao động thì việc lựa chọn nghề nghiệp lại càng trở nên cấp thiết. Vì việc ĐHNN đúng đắn không chỉ tác động đến tương lai của bản thân sinh viên mà còn thúc đẩy quá trình phát triển nền kinh tế, giúp tận dụng tối đa nguồn lực của đất nước và đảm bảo cơ cấu nghề nghiệp xã hội được vận hành một cách suôn sẻ.

Đến nay, vấn đề ĐHNN đã được các tác giả trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của các học giả nước ngoài đã giúp làm rõ hơn lý luận về quá trình ĐHNN, như lý thuyết của John Holland (1966) về mối quan hệ giữa tính cách và lựa chọn nghề nghiệp, lý thuyết phát triển nghề nghiệp của Super (1990) về mối quan hệ giữa các giai đoạn phát triển của con người và lựa chọn nghề nghiệp tương ứng với giai đoạn đó, hay lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội của Lent và cộng sự (2001) về ảnh hưởng của các quá trình nhận thức xã hội lên sự phát triển nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, các học giả nước ngoài cũng triển khai nghiên cứu thực trạng ĐHNN của sinh viên ở các ngành học cụ thể như sinh viên ngành Quản trị của tác giả Agarwala, T. (2008), ngành Tâm lí học của Blanco, Á. (2011), ngành Quản trị Kinh doanh của Marinas, L.E. (2016)... Còn về yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ĐHNN, ngoài nghiên cứu của Sihle N.M. (2005) phân tích khái quát các yếu tố ảnh hưởng tiêu biểu, các học giả khác cũng đã đi sâu nghiên cứu sự ảnh hưởng của từng yếu tố như yếu tố gia đình, tính cách, sở thích cá nhân, điển hình là các

nghiên cứu của Nadya A. Fouad và cộng sự (2016), Rebecca J.K.K. và cộng sự (2016), Josephine Nyamwange (2016)... Khác với công bố khoa học của học giả nước ngoài, sản phẩm nghiên cứu về ĐHNN của các học giả trong nước chủ yếu tập trung vào đối tượng học sinh trung học phổ thông, ít có nghiên cứu về đối tượng sinh viên. Ngoài ra, khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ĐHNN của sinh viên, các học giả trong nước thường gắn với một ngành học cụ thể, điển hình là nghiên cứu của Trần Thị Dương Liễu (2014) về sinh viên ngành Tâm lý học, nghiên cứu của Bùi Hà Phương và cộng sự (2020) về sinh viên khoa Thư viện - Thông tin học... Tuy nhiên, tổng hợp các công trình nghiên cứu đã công bố đến nay cho thấy vẫn chưa có nghiên cứu nào về thực trạng ĐHNN của sinh viên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc (NNTQ). Đây chính là lí do để nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu này.

Trên thực tế, ĐHNN ở nước ta hiện nay còn tồn tại nhiều bất cập. Theo thống kê của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong quý III/2022, xu hướng tuyển dụng của thị trường lao động đối với nhân lực trình độ đại học là 48,1%, trong khi đó, nhu cầu của người tìm việc có trình độ đại học là 52,3% (Gso.gov.vn, 2022). Điều này cho thấy có sự chênh lệch đáng kể giữa cung và cầu lao động đối với nhân lực trình độ đại học. Bên cạnh đó, việc sinh viên tốt nghiệp làm trái ngành cũng là một vấn đề đáng quan tâm. Theo kết quả nghiên cứu của nhóm nghiên cứu từ Trường Đại học Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2022, tính trung bình thực tế, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp làm trái ngành cho tất cả các ngành

đào tạo là 21,43%, tỷ lệ làm trái ngành tại một số lĩnh vực thực tế còn ở mức cao hơn (Vtv.vn, 2022). Những con số trên đã phần nào phản ánh những vấn đề trong công tác hướng nghiệp tại các cơ sở giáo dục cũng như quá trình tự định hướng và lựa chọn nghề nghiệp của người học, đặc biệt là sinh viên.

Ngành NNTQ hiện đang là ngành học thu hút nhiều sinh viên theo học. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước có 48 đại học xét tuyển ngành NNTQ, riêng thành phố Hà Nội có 15 trường đại học xét tuyển ngành học này (Hemis.moet.gov.vn). Đồng thời, số liệu thống kê tình hình thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam năm 2022 cho thấy, các quốc gia, khu vực có sử dụng tiếng Trung hiện đang dẫn đầu làn sóng đầu tư vào Việt Nam (Gso.gov.vn, 2022). Do đó có thể thấy ngành NNTQ đang dần trở thành ngành học tiềm năng với nhiều cơ hội phát triển nghề nghiệp. Chính vì vậy, việc ĐHNN cho các bạn sinh viên ngành NNTQ là rất cần thiết, giúp sinh viên có một cái nhìn đúng đắn về ngành nghề, thị trường lao động cũng như có thể đưa ra lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân.

Xuất phát từ các vấn đề lý luận và thực tiễn trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành NNTQ tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội nhằm chỉ ra các vấn đề trong quá trình ĐHNN của sinh viên ngành NNTQ hiện nay. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đề xuất một số giải pháp phù hợp giúp việc ĐHNN cho sinh viên ngành NNTQ một cách hiệu quả.

2. Thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên

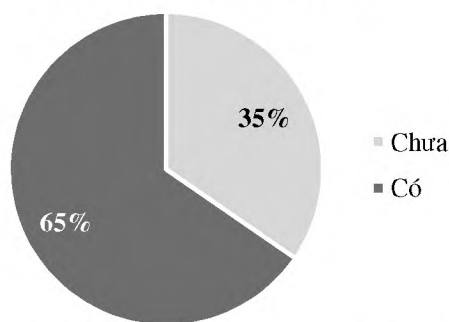
Để hiểu hơn về thực trạng ĐHNN của sinh viên ngành NNTQ, nhóm nghiên cứu đã xây dựng bảng hỏi, thiết kế mẫu phiếu khảo sát bằng công cụ Google Form, sau đó phát trực tiếp và gửi trực tuyến tới 700 sinh viên thuộc 07 trường đại học có thâm niên đào tạo ngành NNTQ từ 10 năm trở lên trên địa bàn thành phố Hà Nội, bao gồm: Trường Đại học Hà Nội, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Mở Hà Nội, Trường Đại học Ngoại thương, Trường Đại học Thăng Long, Trường Đại học Đông Đô và Trường Đại học Phương Đông. Tại thời điểm thu thập kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu đã tập hợp được 509 phiếu phản hồi. Từ nguồn số liệu khách quan, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thống kê và xây dựng biểu đồ trực quan tương ứng, từ đó đi sâu phân tích và đánh giá các phương diện phản ánh thực trạng ĐHNN của sinh viên ngành NNTQ. Các vấn đề cụ thể như sau:

2.1. Tình hình tự định hướng nghề nghiệp của sinh viên trong quá trình học

Đối với vấn đề tự ĐHNN của sinh viên trong quá trình học, kết quả khảo sát phản ánh khá nhiều sinh viên ngành NNTQ đã ĐHNN sau khi ra trường, ngược lại cũng

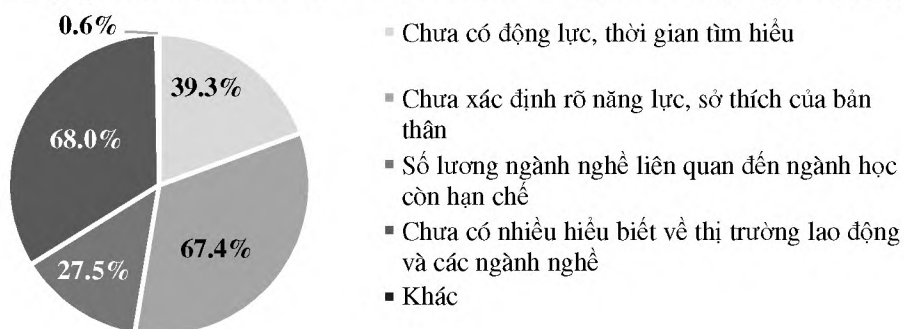
còn một bộ phận sinh viên “để ngỏ” quyết định nghề nghiệp của bản thân. Trong số 509 sinh viên tham gia khảo sát, có 65% sinh viên ngành NNTQ đã có ĐHNN, nhưng vẫn còn 35% sinh viên tính tới thời điểm tham gia khảo sát chưa lựa chọn được hướng đi trong tương lai, số liệu này cho thấy một bộ phận không nhỏ sinh viên đã gặp khó khăn trong quá trình ĐHNN của bản thân.

Biểu đồ 1. Tỷ lệ sinh viên đã có định hướng nghề nghiệp



Từ phản hồi khảo sát trong Biểu đồ 1 cho biết, có bốn nguyên nhân chính khiến các bạn sinh viên còn “trù trù, do dự” trong quá trình ĐHNN: Thứ nhất, sinh viên chưa có nhiều hiểu biết về thị trường lao động và các ngành nghề; Thứ hai, sinh viên chưa xác định rõ năng lực, sở thích của bản thân; Thứ ba, sinh viên chưa có động lực, thời gian tìm hiểu; Thứ tư, số lượng ngành nghề liên quan đến ngành học còn hạn chế.

Biểu đồ 2. Nguyên nhân dẫn đến sinh viên chưa có định hướng nghề nghiệp



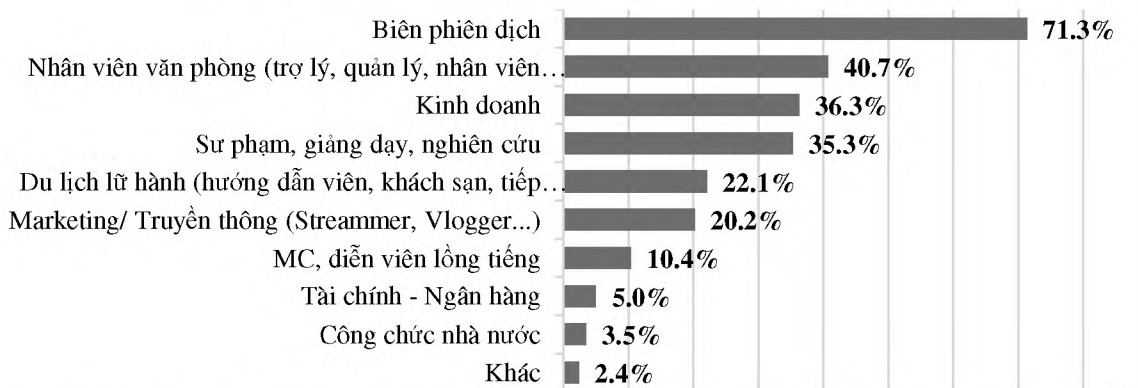
Trong 4 nguyên nhân kể trên, việc sinh viên thiếu hiểu biết về thị trường lao động và các ngành nghề là nguyên nhân lớn nhất (chiếm 68%). Điều này là minh chứng cho sự thiếu hiệu quả của hệ thống cung cấp thông tin hỗ trợ ĐHNN cho sinh viên, gây trở ngại trực tiếp cho họ trong việc tìm kiếm nghề nghiệp tương lai. Bên cạnh đó, nguyên nhân cá nhân sinh viên chưa xác định rõ năng lực và sở thích của bản thân cũng chiếm tỉ lệ tương đối lớn (67,4%). Ngoài ra, việc sinh viên chưa có động lực và thời gian tìm hiểu ngành nghề (39,8%) và số lượng ngành nghề liên quan đến ngành học còn hạn chế (27,5%) là những nguyên nhân còn lại cản trở quyết định lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên ngành NNTQ. Có thể thấy, số lượng không nhỏ sinh viên ngành NNTQ chưa thực sự nhận

thức được tầm quan trọng của việc ĐHNN, từ đó dẫn đến hiện trạng thiếu đầu tư thời gian, công sức cho quá trình này.

2.2. Xu hướng lựa chọn ngành nghề của sinh viên

Đối với những sinh viên đã có ĐHNN, kết quả khảo sát cho biết sinh viên có xu hướng lựa chọn các nhóm ngành nghề sau đây: biên phiên dịch (71,3%); nhân viên văn phòng (40,7%); kinh doanh (36,6%); sư phạm, giảng dạy và nghiên cứu (35,3%); du lịch lữ hành (22,1%) và marketing/truyền thông (20,2%). Còn lại, một lượng nhỏ sinh viên lựa chọn ngành nghề liên quan đến dẫn chương trình (MC), diễn viên lồng tiếng (10,4%); tài chính – ngân hàng (5%) và số ít sinh viên (3,5%) cân nhắc đến vị trí công chức Nhà nước.

Biểu đồ 3. Xu hướng lựa chọn ngành nghề của sinh viên



Đi sâu vào từng ngành nghề cụ thể, tỷ lệ sinh viên đã có ĐHNN lựa chọn ngành nghề Biên phiên dịch nhiều hơn so với các ngành nghề khác. Thế kỉ XXI đang là kỉ nguyên của sự hội nhập và toàn cầu hóa, giao tiếp bằng nhiều thứ tiếng trở thành nhu cầu tất yếu của xã hội nhằm tạo thuận lợi trong quá trình trao đổi thông tin. Vì thế, trong Khung chương trình đào tạo cho sinh viên ngành ngôn ngữ, định hướng Biên

phiên dịch luôn chiếm vị trí không thể thiếu trong các thông tin liên quan đến cơ hội nghề nghiệp. Từ kết quả lựa chọn có thể thấy trong nhận thức của nhiều sinh viên, nghề Biên phiên dịch có tiềm năng đáp ứng kỳ vọng và mong muốn của họ về thu nhập hay cơ hội thăng tiến trong công việc.

Ngoài ra, có 40,7% sinh viên lựa chọn trở thành nhân viên văn phòng ở các vị trí như trợ lý, quản lý, nhân viên kinh doanh

tại các công ty có sử dụng tiếng Trung. Các hoạt động như kinh doanh và sư phạm, giảng dạy, nghiên cứu được khá nhiều sinh viên ngành NNTQ lựa chọn từ khi còn đang tham gia học tập tại trường đại học, số sinh viên lựa chọn hai ngành nghề kinh doanh và sư phạm, giảng dạy, nghiên cứu có tỷ lệ tương đương nhau ở khoảng 35% đến 36%.

Ngành nghề Du lịch lữ hành (hướng dẫn viên, khách sạn, tiếp viên hàng không...) dù chỉ chiếm 22,1% lựa chọn của những sinh viên tham gia khảo sát nhưng vẫn chứng minh ngành nghề này có tiềm năng phát triển, nhất là trong thời điểm Chính phủ đang dồn lực để thu hút khách du lịch quốc tế đến Việt Nam sau khoảng thời gian dịch bệnh Covid được kiểm soát. Theo báo cáo của Tổng cục thống kê quý III năm 2022, trong cơ cấu nền kinh tế Việt Nam hiện nay khu vực dịch vụ đang chiếm tỷ trọng lớn với 41,31%. Ngành dịch vụ hàng không – du lịch được ví như “trụ cột” khi doanh thu đến từ khách quốc tế chiếm đến 58% trong tổng thu nhập 18,2 nghìn tỷ đồng mà toàn ngành du lịch tạo ra (Dangcongsan.vn, 2022). Như vậy, với tiềm năng phát triển mạnh mẽ của ngành Du lịch, nhiều sinh viên sẽ có xu hướng lựa chọn nghề nghiệp này trong tương lai.

Nhìn chung, phần đông sinh viên lựa chọn theo những ngành nghề được đánh giá là đúng ngành, an toàn và có thể đáp ứng được kỳ vọng về thu nhập ổn định cũng như lộ trình thăng tiến lâu dài.

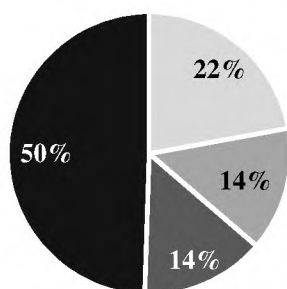
2.3. Xu hướng chọn nơi làm việc, loại hình cơ quan doanh nghiệp và mức lương khởi điểm kỳ vọng sau khi ra trường của sinh viên

Đa phần sinh viên tham gia khảo sát đã xác định được phương hướng nghề nghiệp dựa vào các yếu tố như nơi làm việc, loại hình cơ quan doanh nghiệp và mức lương kỳ vọng.

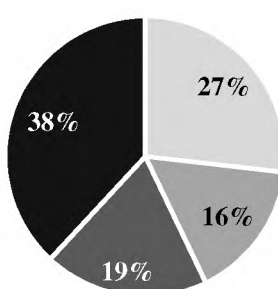
Về xu hướng lựa chọn nơi làm việc, kết quả khảo sát cho thấy không có sự chênh lệch quá lớn giữa sinh viên đã có ĐHNN với sinh viên chưa có ĐHNN khi bắt đầu bước vào thị trường lao động. Có đến 50% số lượng sinh viên dù đã có ĐHNN nhưng chưa xác định được nơi làm việc trong tương lai. Số liệu này so với sinh viên chưa có ĐHNN có phần thấp hơn (12%). Sinh viên đã xác định rõ ĐHNN thường có xu hướng lựa chọn các tỉnh, thành phố có các khu công nghiệp, nhà máy, công ty cần nhiều nguồn nhân lực sử dụng tiếng Trung Quốc, có nhiều cơ hội để tiếp cận công việc và phát triển nghề nghiệp.

Biểu đồ 4. Xu hướng lựa chọn nơi làm việc của sinh viên

a. Sinh viên đã có ĐHNN



b. Sinh viên chưa có ĐHNN



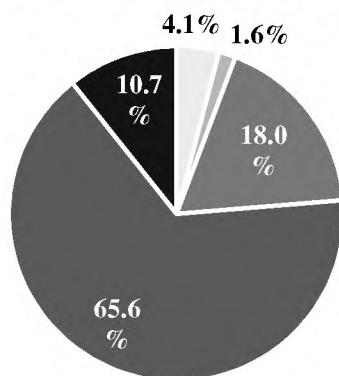
- Nguyên quán/Quê quán
- Nơi thường trú
- Nơi tạm trú

Về xu hướng lựa chọn loại hình cơ quan doanh nghiệp, phần đông sinh viên (trung bình 60,5%) tham gia khảo sát có xu hướng lựa chọn làm việc cho doanh nghiệp nước ngoài. Bên cạnh đó lựa chọn của sinh

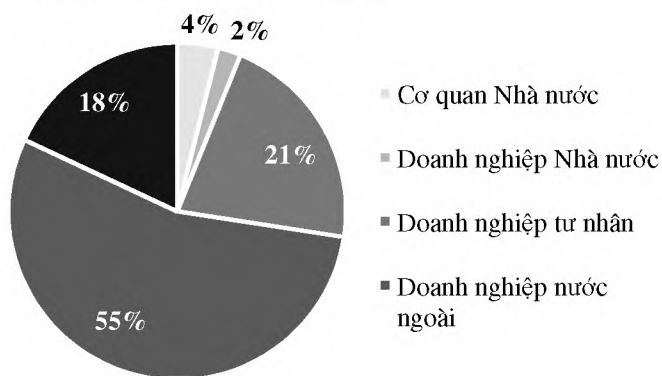
viên tham gia khảo sát cũng đa dạng ở các loại hình doanh nghiệp khác như: Doanh nghiệp Nhà nước (2,8%), Doanh nghiệp tư nhân (19,5%) hay Cơ quan nhà nước (4%).

Biểu đồ 5. Xu hướng lựa chọn loại hình cơ quan, doanh nghiệp của sinh viên

a. Sinh viên đã có ĐHN



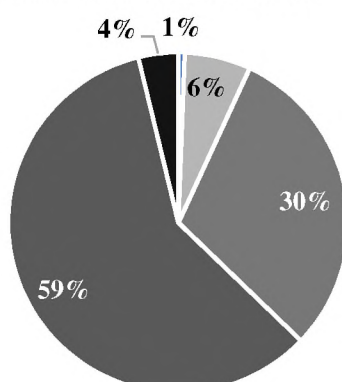
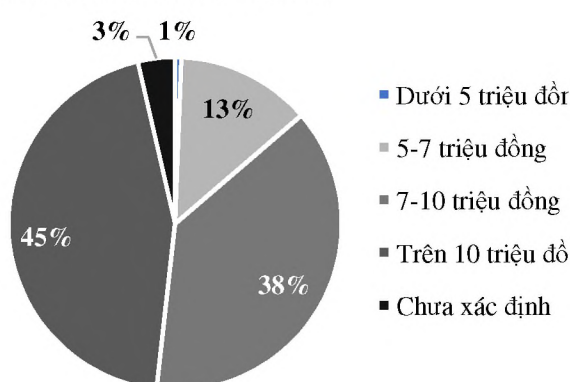
b. Sinh viên chưa có ĐHN



Những năm gần đây, tỷ lệ đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục tăng trưởng trong bối cảnh thế giới đang chịu những tác động của đại dịch COVID-19. Theo số liệu báo cáo của Cục Đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến 20/12/2022, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam đạt gần 27,72 tỷ USD (Mpi.gov.vn, 2022). Rất nhiều tỉnh thành phố của Việt Nam trở thành điểm sáng thu hút đầu tư nước ngoài chất lượng cao. Về cơ bản, doanh nghiệp nước ngoài là loại hình luôn tìm kiếm nguồn nhân sự có trình độ ngoại ngữ tốt, sẵn sàng đưa ra các mức lương kỳ vọng cùng môi trường làm việc quốc tế đáp ứng kỳ vọng. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng là

quốc gia đứng thứ 4 trong các nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam (Hoinhap.org.vn, 2022) càng chứng tỏ nhu cầu về nhân lực của các doanh nghiệp Trung Quốc đối với thị trường lao động của Việt Nam. Rõ ràng, dù đã có hoặc chưa có ĐHN thì sinh viên ngành NNTQ đều có nhận thức nhất định về nhu cầu tìm kiếm nhân lực của xã hội.

Về mức lương kỳ vọng sau khi ra trường, có khoảng 52% sinh viên tham gia khảo sát mong muốn đạt được mức lương đến 10 triệu đồng/tháng, trong đó tỷ lệ sinh viên kỳ vọng mức lương 7-10 triệu đồng chiếm 34%, mức lương 5-7 triệu đồng trung bình 9,7% và còn lại 4,4% kỳ vọng mức lương dưới 5 triệu đồng.

Biểu đồ 6. Mức lương khởi điểm kỳ vọng sau khi ra trường của sinh viên**a. Sinh viên đã có ĐHNN****b. Sinh viên chưa có ĐHNN**

- Dưới 5 triệu đồng
- 5-7 triệu đồng
- 7-10 triệu đồng
- Trên 10 triệu đồng
- Chưa xác định

Theo trang laodong.vn, Anphabe đã thực hiện khảo sát Thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn với sinh viên Việt Nam 2022 có sự tham gia của 13667 sinh viên, kết quả cho thấy mức lương kỳ vọng trung bình mà thế hệ Z (Gen Z) đối với công việc chính thức đầu tiên sau ra trường là 8,4 triệu đồng/tháng (Laodong.vn, 2022). Con số này không chênh lệch quá nhiều với kết quả khảo sát của nhóm nghiên cứu. Xét mối liên hệ giữa các loại hình doanh nghiệp mong muốn và mức lương kỳ vọng, có thể thấy mối quan hệ tương quan giữa hai yếu tố này. Đa số sinh viên ngành NNTQ có mong muốn làm việc ở các công ty, doanh nghiệp tư nhân hoặc nước ngoài. Trong đó, doanh nghiệp nước ngoài chiếm phần đông sinh viên với mức lương bình quân theo Niên giám thống kê 2021 ở mức 10,5 triệu đồng/tháng (Gso.gov.vn, 2022). Như vậy, sinh viên lựa chọn làm việc ở các doanh nghiệp này sẽ có xu hướng nâng cao mức kỳ vọng về thu nhập của bản thân. Thực tế cho thấy, dựa trên tình hình hội nhập và phát triển của kinh tế thế giới, ngày càng nhiều doanh nghiệp sử dụng tiếng Trung

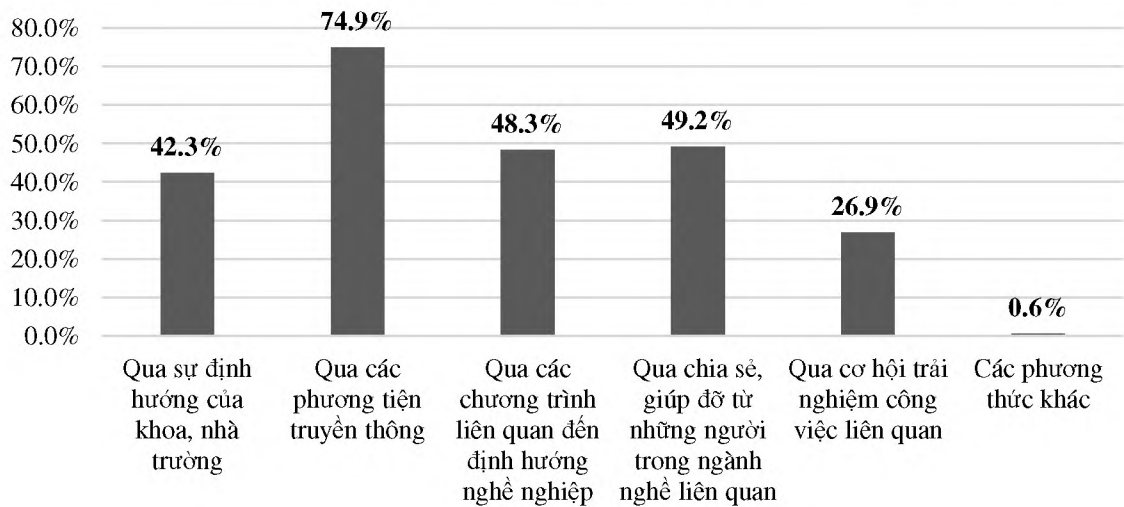
hướng đến và đầu tư thị trường tại Việt Nam, đồng nghĩa rằng cơ hội việc làm liên quan đến ngành ngày càng mở rộng, vì vậy sinh viên ngành NNTQ có căn cứ để kỳ vọng đạt được mức lương như vậy.

2.4. Phương thức định hướng nghề nghiệp của sinh viên

Từ những xu hướng trong việc ĐHNN của sinh viên, nhóm nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu các phương thức ĐHNN của sinh viên ngành NNTQ hiện nay.

Sau khi tiến hành khảo sát nhóm đối tượng sinh viên đã xác định được ĐHNN, kết quả thống kê cho thấy trong quá trình lựa chọn, sinh viên ngành NNTQ đã tìm hiểu các thông tin liên quan đến ngành nghề tương lai thông qua các phương thức đa dạng như sử dụng các phương tiện truyền thông, tham gia các chương trình liên quan đến ĐHNN, lắng nghe định hướng từ khoa/trường, trải nghiệm các công việc liên quan hay nhận sự chia sẻ và giúp đỡ từ người đang công tác trong ngành,...

Biểu đồ 7. Phương thức tìm hiểu về ngành nghề tương lai của sinh viên



Biểu đồ trên thể hiện gần 3/4 số sinh viên (74,9%) dựa vào việc tìm kiếm và thu thập được thông tin, dữ liệu về tình hình thực tế của các ngành nghề trên thị trường, từ đó có những đánh giá chủ quan cơ bản, tạo điều kiện cho quá trình định hướng và lựa chọn nghề nghiệp sau khi ra trường thông qua các phương tiện truyền thông. Các kênh cung cấp thông tin đang ngày càng trở nên đa dạng và phong phú. Có thể kể đến các phương tiện thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, báo chí, mạng xã hội, diễn đàn trực tuyến. Cùng với sự bùng nổ của Internet tại Việt Nam vào thập kỷ trước, hiện nay, sức mạnh truyền thông của mạng xã hội to lớn hơn bao giờ hết, dẫn đầu trong các kênh cung cấp, kết nối thông tin về phạm vi tiếp cận. Nhờ lượng thông tin khổng lồ và sự đa dạng các lĩnh vực, ngành nghề, phương diện cùng cách thức truyền tải phong phú, mới lạ, thuận lợi và tiết kiệm thời gian, nên sinh viên chủ yếu sử dụng phương thức này trong quá trình tìm hiểu để định hướng nghề. Bên cạnh đó, thống kê cũng cho thấy,

49,2% sinh viên ĐHNN nhờ vào chia sẻ kinh nghiệm của người trong ngành nghề liên quan, 48,3% sinh viên ĐHNN thông qua các chương trình hướng nghiệp và 42,3% được định hướng từ khoa/trường đại học. Việc sinh viên lựa chọn các phương thức này cũng phản ánh, đây là những kênh thông tin đạt được độ tin nhiệm cao, có hiệu quả nhất định trong việc đưa sinh viên tiếp cận gần hơn với thực tế ngành nghề bởi nguồn thông tin từ những kênh này đã được chọn lọc về nội dung.

Có thể thấy, các phương thức tìm kiếm thông tin ngành nghề của sinh viên ngành NNTQ khá đa dạng, thể hiện được đồng thời tính chủ động của sinh viên và giúp đỡ từ nhà trường, xã hội tới những bước đầu trong quá trình ĐHNN. Tuy nhiên, các phương thức chủ yếu vẫn dừng ở việc cung cấp các thông tin tổng quát, chung chung, thiếu tính trực quan và trải nghiệm nên khó tránh khỏi tình trạng thông tin tiếp nhận được còn mơ hồ, chưa cụ thể với từng cá nhân. Để việc ĐHNN hiệu quả, một số sinh viên đã có cách thức tìm hiểu nghề thực tế

hơn, thể hiện ở tỷ lệ 26,9% sinh viên ra quyết định chọn nghề dựa trên những trải nghiệm và kinh nghiệm từ công việc liên quan. Cách làm này giúp đánh giá mức độ phù hợp giữa cá nhân với ngành nghề muốn theo đuổi, song số sinh viên áp dụng phương thức này còn chưa phổ biến.

Biểu đồ 8. Những khó khăn trong quá trình định hướng nghề nghiệp của sinh viên



Trong đó, trở ngại lớn nhất là sinh viên chưa được tư vấn cụ thể (chiếm 43,5%), tiếp theo là sinh viên chưa xác định được năng lực sở thích của mình (chiếm 40,5%) và sinh viên thấy khó khăn trong tìm kiếm thông tin về thị trường lao động và các ngành nghề (chiếm 38,1%). Những khó khăn này là hệ quả tương ứng với tình trạng tiếp cận thông tin về ngành nghề khảo sát ở trên. Muốn lựa chọn nghề nghiệp tương lai, mỗi sinh viên cần có đánh giá cụ thể về những yếu tố chủ quan của bản thân như năng lực hay sở thích, đồng thời kết hợp xem xét các yếu tố khách quan về thực tế công việc hay xu hướng thị trường để tìm ra con đường phát triển phù hợp nhất. Bởi vậy, do thiếu những cơ hội để khám phá bản thân trong môi trường công việc và ít tiếp cận những vấn đề chi tiết về hoạt động của doanh nghiệp hay yêu cầu của vị trí

2.5. Những khó khăn trong quá trình định hướng nghề nghiệp của sinh viên

Khi được khảo sát về các khó khăn khi tìm kiếm ĐHNN, sinh viên phản hồi chủ yếu có một số trở ngại sau:

công tác, một bộ phận không nhỏ sinh viên ngành NNTQ còn chật vật trong việc nhìn nhận giá trị bản thân và mong muốn được tư vấn, hỗ trợ với từng cá nhân. Ngoài ra, trong quá trình ĐHNN, hơn 1/5 sinh viên được khảo sát nhận thấy môi trường học tập và bản thân ngành học vẫn chưa tạo điều kiện tốt nhất cho quá trình lựa chọn nghề nghiệp tương lai của sinh viên.

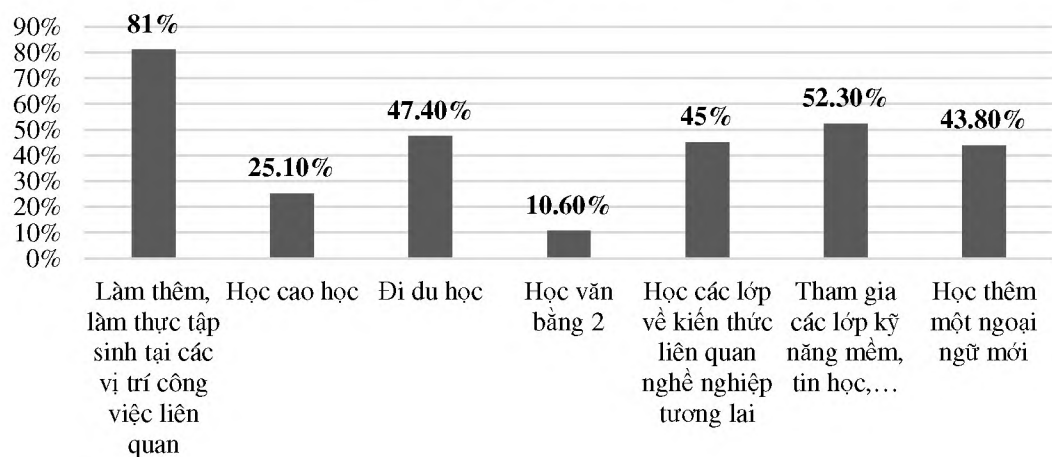
2.6. Kế hoạch thích ứng với ngành nghề tương lai của sinh viên

Trước tình hình tìm hiểu định hướng ngành nghề tương lai nói trên, sinh viên ngành NNTQ đã xây dựng nhiều kế hoạch cá nhân nhằm tạo nền tảng giúp bản thân thích ứng tốt với ngành nghề đã lựa chọn trong tương lai. Phương hướng phát triển trong tương lai gần được phần lớn sinh viên lựa chọn là đi làm thêm, làm thực tập sinh

tại các vị trí công việc liên quan đến ngành nghề đã chọn (81%). Điều này đã phản ánh rõ nét tính cấp thiết trong nhận thức của số đông sinh viên thuộc ngành NNTQ muốn có cơ hội được học hỏi kinh nghiệm thực tiễn về nghề nghiệp tương lai, đồng thời thử thách bản thân sau quá trình tiếp thu lý thuyết từ môi trường đại học. Hơn nữa, các sinh viên cũng đánh giá cao tầm quan trọng của việc thực hành những kiến thức vốn có, từ đó xác định rõ những bước phát triển

tương lai khi bước chân vào thị trường việc làm. Các dự định như tham gia lớp kỹ năng mềm, tin học, ... (52,3%); đi du học (47,4%); học các lớp về kiến thức liên quan nghề nghiệp (45%) hay học thêm ngoại ngữ (43,8%) cũng khẳng định được vấn đề về kiến thức và kỹ năng vẫn được sinh viên đánh giá là lợi thế cạnh tranh nổi trội trong bối cảnh thị trường lao động chuyển dịch theo xu hướng tăng cầu nhân lực chất lượng cao.

Biểu đồ 9. Kế hoạch thích ứng với ngành nghề tương lai của sinh viên



3. Một số đề xuất góp phần khắc phục khó khăn của sinh viên trong quá trình định hướng nghề nghiệp

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy phần lớn sinh viên ngành NNTQ chưa xác định rõ sở thích và năng lực của bản thân, dẫn đến việc thiếu định hướng trong quá trình lựa chọn và lên kế hoạch nghề nghiệp tương lai. Bên cạnh đó, sinh viên cũng gặp khó khăn khi chưa được tư vấn cụ thể, Khoa và nhà trường không thường xuyên tổ chức các hoạt động ĐHNN, khiến cho sinh viên gặp trở ngại trong việc tìm kiếm thông tin về thị trường lao động và các ngành nghề liên quan. Đồng thời, việc chưa vận dụng được kiến thức đã học vào thực

tế công việc và hạn chế trong việc tiếp cận các ngành nghề liên quan tới ngành học cũng là một trong những khó khăn tiêu biểu của sinh viên ngành NNTQ.

Xuất phát từ những khó khăn nói trên của sinh viên ngành NNTQ trong quá trình ĐHNN, nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất góp phần khắc phục một số khó khăn của sinh viên NNTQ trong quá trình ĐHNN.

3.1. Về phía Nhà trường và Khoa tiếng Trung Quốc

Thứ nhất, Nhà trường và Khoa cần xây dựng hệ thống hướng nghiệp và hệ thống thông tin nghề nghiệp chính xác, đầy đủ

dành cho sinh viên. Cụ thể, Khoa nên bồi dưỡng đội ngũ giáo viên làm công tác ĐHNN có thể hỗ trợ, hướng dẫn, tư vấn cho sinh viên; đồng thời chủ động kết nối với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức để tìm hiểu nhu cầu lao động của nhà tuyển dụng; xây dựng kho dữ liệu về thị trường lao động, xu hướng triển vọng ngành nghề tương lai; thực hiện khảo sát nghề nghiệp với các cựu sinh viên sau sau khi ra trường, lấy dữ liệu làm cơ sở để đánh giá về mức độ phù hợp của chương trình đào tạo mới nhất cũng như tình hình của thị trường lao động.

Thứ hai, Nhà trường cần phối hợp và hỗ trợ với Khoa trong việc xây dựng mạng lưới, kênh thông tin chính thống dành cho sinh viên là vô cùng hữu ích. Mạng lưới này sẽ liên kết giữa khoa, giảng viên, cựu sinh viên, các chuyên gia trong ngành và sinh viên đang theo học để sinh viên có thể nhận được sự giúp đỡ, hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình học tập và ĐHNN cho bản thân. Ngoài ra, Khoa có thể phát triển kênh thông tin thống nhất để tổng hợp thông tin, đặc biệt là thông tin nghề nghiệp để tuyên truyền cho sinh viên.

Thứ ba, Nhà trường là cấp lãnh đạo của các phòng ban do đó cần sát sao trong việc hướng dẫn và tạo điều kiện trong công tác triển khai các chương trình thực tế, tổ chức ngày hội việc làm, tuần sinh hoạt công dân của SV, đảm bảo sao cho đạt hiệu quả cao nhất. Cụ thể là: Nhà trường hỗ trợ SV chi phí di chuyển trong các chuyến tham quan doanh nghiệp, cấp giấy giới thiệu thực tập cho SV từ năm nhất tạo điều kiện cho SV tích lũy kinh nghiệm, trong các tiết sinh hoạt công dân của SV, cần chú trọng hơn về việc ĐHNN, đưa những hiện trạng của

thị trường lao động vào bài giảng hoặc bổ sung những kỹ năng cần có để tăng năng lực cạnh tranh của SV khi bước vào thị trường lao động. Ngoài ra cần phát huy hơn nữa vai trò của cố vấn học tập trong môi trường nhà trường để giải đáp thắc mắc của SV về chương trình đào tạo, gợi ý các kế hoạch học tập để cải thiện kết quả và giúp SV xác định được ĐHNN cho bản thân.

Thứ tư, Khoa có thể lồng ghép công tác ĐHNN cho sinh viên trong quá trình giảng dạy và đào tạo, cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thông tin thực tiễn về ngành nghề liên quan, giúp cho sinh viên vừa có kiến thức chuyên môn vừa có kỹ năng thực tiễn và kiến thức cần thiết về công việc cũng như thị trường lao động.

Thứ năm, Khoa và Nhà trường có thể xây dựng chương trình trải nghiệm nghề nghiệp thực tế dành cho sinh viên: liên kết với doanh nghiệp, cơ quan tổ chức, tạo điều kiện cho các sinh viên năm nhất và năm hai trong quá trình học tập được đi tham quan doanh nghiệp; tìm kiếm và tạo cho sinh viên năm thứ ba và năm cuối có cơ hội tiếp xúc và đi thực tập giữa khóa ở các cơ quan, doanh nghiệp.

3.2. Về phía giảng viên

Giảng viên là những người trực tiếp giảng dạy sinh viên vì vậy cũng đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành ngôn ngữ Trung Quốc. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có thể chủ động tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên dựa trên trải nghiệm và kinh nghiệm của bản thân, đồng thời có thể hỗ trợ kết nối sinh viên với những người trong ngành để

chia sẻ giúp sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về bức tranh nghề nghiệp. Nhóm nghiên cứu cũng đề xuất giảng viên tạo mạng lưới các đồng nghiệp, giao lưu học hỏi chia sẻ kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

3.3. Về phía sinh viên

Sinh viên cần nâng cao khả năng tự đánh giá năng lực của bản thân. Việc xác định đúng sở thích, đam mê cũng như điểm mạnh, điểm yếu nhằm giúp sinh viên đưa ra những lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với tương lai. Để hiểu rõ hơn về năng lực, sở thích, đam mê... của bản thân, cũng như xác định bản thân mình phù hợp với ngành nghề nào, sinh viên có thể tiến hành thực hiện các bài trắc nghiệm về nghề nghiệp tiêu biểu như: Trắc nghiệm Holland, trắc nghiệm MBTI, DISC... giúp sinh viên phần nào ĐHNN dựa trên nhóm tính cách. Những bài trắc nghiệm này sẽ giúp cho sinh viên trong quá trình khám phá bản thân khi chọn nghề.

Ngoài ra, sinh viên cần có thái độ tích cực, chủ động tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng nghề nghiệp từ các hoạt động ngoại khóa và các chương trình trải nghiệm thực tế tham quan doanh nghiệp của câu lạc bộ, khoa, nhà trường. Việc chủ động tham gia các buổi định hướng nghề nghiệp của Khoa và nhà trường cũng như các chương trình ngoại khóa có sự xuất hiện của các doanh nghiệp, trung tâm việc làm... sẽ góp phần giúp cho sinh viên dễ dàng trong việc tìm kiếm thông tin về nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực, thông tin cập nhật nhanh và chính xác về thị trường lao động.

4. Kết luận

Bài viết đưa ra cái nhìn tổng quan về thực trạng ĐHNN hiện nay của sinh viên ngành NNTQ tại một số trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ kết quả khảo sát có thể nhận thấy, một bộ phận không nhỏ sinh viên vẫn chưa có ĐHNN cho tương lai. Nguyên nhân chủ yếu là do sinh viên chưa nắm được sở thích năng lực của bản thân cũng như chưa nắm được các thông tin cần thiết về các ngành nghề, thị trường lao động. Đối với những sinh viên đã có ĐHNN, đa số ngành nghề họ có xu hướng lựa chọn được đánh giá là đúng với ngành học. Một điều đáng chú ý là có sự tương đồng khá lớn giữa sinh viên đã có và chưa có ĐHNN trong việc lựa chọn nơi làm việc, loại hình doanh nghiệp và mức lương kỳ vọng sau khi ra trường. Khó khăn của sinh viên trong quá trình ĐHNN khá tương đồng với lí do chưa có ĐHNN, dựa trên kết quả này, nhóm nghiên cứu đưa ra các đề xuất cho Khoa, giảng viên và cả chính sinh viên trong quá trình ĐHNN, giúp cho sinh viên chủ động tìm hiểu bản thân và nắm được kiến thức, kỹ năng cũng như thông tin về nghề nghiệp và thị trường lao động, từ đó giúp sinh viên tự tin trong việc lựa chọn nghề nghiệp, vạch ra kế hoạch nghề nghiệp cho tương lai và có nền tảng vững chắc khi bước chân vào thị trường lao động. Điều này không chỉ giúp ích cho bản thân sinh viên, mà còn làm giảm tỷ lệ thất nghiệp hay tỷ lệ làm trái ngành trái nghề, giảm đi tình trạng lãng phí nguồn lực và phát huy tối đa tiềm năng của xã hội và đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hà Phương, Nguyễn Thị Mỹ Tiên, Nguyễn Thanh Toàn, Võ Thị Ca, Huỳnh Thị Lưu Kim Tuyền, Lê Thị Trúc Giang (2020). Yếu tố ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp của sinh viên khoa Thư viện - Thông tin học, trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hồ Chí Minh, *Tạp chí Thông tin và Tư liệu*, 6, 13-20.
2. Đặng Thu Thủy (2022). Định hướng nghề nghiệp cho sinh viên trong bối cảnh hiện nay. *Tạp chí Quản lý giáo dục*, 14(2), 38-45. doi: 10.53750/jem22.v14.n2.38
3. Dangcongsan.vn (2022). *Tạo sự bứt phát từ trụ cột “Dịch vụ hàng không - Du lịch”*, <https://dangcongsan.vn/kinh-te/tao-su-but-phat-tu-tru-cot-dich-vu-hang-khong-du-lich-627794.html>, truy cập ngày 20/12/2022.
4. Gso.gov.vn (2022). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý III và 9 tháng năm 2022*, <https://gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/09/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iii-va-9-thang-nam-2022/>, truy cập ngày 22/12/2022.
5. Gso.gov.vn (2022). *Niên giám thống kê 2021*. <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/08/nien-giam-thong-ke-2021-2/>, truy cập ngày 8/3/2023.
6. Hoinhap.org.vn (2022). *Trung Quốc gia tăng đầu tư vào Việt Nam*, <https://hoinhap.org.vn/hoi-nhap-va-phat-trien/41740-trung-quoc-gia-tang-dau-tu-vao-viet-nam.html>, truy cập ngày 25/12/2022.
7. Hemis.moet.gov.vn. Thông tin về chương trình đào tạo. Tìm được tại đường link <https://hemis.moet.gov.vn/cong-khai/chuong-trinh-dao-tao>, truy cập ngày 02/4/2023
8. Hoàng Phê (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
9. Laodong.vn (2022). *Mức lương kỳ vọng của sinh viên GenZ vừa ra trường*, <https://laodong.vn/cong-doan/muc-luong-ky-vong-cua-sinh-vien-genz-vua-ra-truong-1060998.lido>, truy cập ngày 22/12/2022.
10. Max Weber, Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang biên dịch (2008). *Nền đạo đức Tin lành và tinh thần chủ nghĩa tư bản*. Hà Nội: NXB Tri thức.
11. Molisa.gov.vn (2022). *Bản tin thị trường lao động Việt Nam quý III năm 2022*, <http://molisa.gov.vn/Upload/ThiTruong/LMU/Q32022-final.pdf>, truy cập ngày 25/12/2022.
12. Mpi.gov.vn (2022). *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2022*, <https://mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=56359&idcm=208>, truy cập ngày 27/12/2022.
13. Nguyễn Hữu Dũng (2004). *Nghiên cứu thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp của thanh niên Việt Nam hiện nay*. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
14. Trần Thị Dương Liễu (2014). *Định hướng nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành Tâm lý học ở một số trường đại học tại thành phố Hồ Chí Minh*. Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học. Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh.
15. Vtv.vn (2022). *Học ngành này, làm nghề khác - Bài toán về sự định hướng*, <https://vtv.vn/xa-hoi/hoc-nganh-nay-lam-nganh-khac-bai-toan-ve-su-dinh-huong-20221107110611837.htm>, truy cập ngày 25/12/2022.
16. Phiếu khảo sát của nhóm: <https://forms.gle/PNyUGUv4WHzYDAtb9>

(Ngày nhận bài: 10/01/2023; ngày duyệt đăng: 11/3/2023)